

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: **27 - 8 - 2026**

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Đào

Ông Bùi Quang Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Thị Anh Châm – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trương Tiên Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2026/TLST-HNGĐ, ngày 18/6/2026 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/8/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Kim T, sinh ngày 10/5/2001. Căn cước công dân số 008301003354, cấp ngày 02/10/2021.

Địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang (Địa chỉ cũ: Thôn B, xã L, tỉnh Tuyên Quang).

2. Bị đơn: Anh Nông Văn T1, sinh ngày 27/02/1999. Căn cước công dân số 008099002286, cấp ngày 03/12/2022.

Địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang (Địa chỉ cũ: Thôn B, xã L, tỉnh Tuyên Quang).

(Nguyên đơn chị Triệu Thị Kim T và bị đơn anh Nông Văn T1 đều có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, B tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Triệu Thị Kim T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn T1 tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã L, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 19/12/2019. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố

mẹ đẻ anh T1 tại thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Bản B1, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra, anh Nông Văn T1 còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên chị đã bỏ đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh và sống ly thân với anh Nông Văn T1 từ tháng 7/2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Nông Văn T1 đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T1, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới, hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Nông Văn T1 có 01 con chung là cháu Nông Bảo N, sinh ngày 11/02/2020. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu N vẫn sống cùng nhà với anh T1 và bố mẹ đẻ anh T1 là ông Nông Văn T2 và bà Quan Thị T3 nên khi ly hôn chị nhất trí giao cháu N cho anh Nông Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp anh T1 không nhận cháu N thì chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Nông Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Nông Văn T1 sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh T1 nên chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung; vợ chồng chị cũng không có vay nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nông Văn T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị Kim T tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang nay là UBND xã L, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 19/12/2019. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn Bản Bon, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng với chị Triệu Thị Kim T đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị Triệu Thị Kim T để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Triệu Thị Kim T có 01 con chung là cháu Nông Bảo N, sinh ngày 11/02/2020. Kể từ khi vợ chồng sống ly

thân thì cháu N vẫn sống cùng nhà với anh và bố mẹ đẻ anh là ông Nông Văn T2 và bà Quan Thị T3 nên khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Bảo N đến tuổi trưởng thành. Anh không yêu cầu chị Triệu Thị Kim T phải cấp dưỡng nuôi cháu Nông Bảo N cùng anh.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị Triệu Thị Kim T sống cùng nhà với bố mẹ anh nên chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung; vợ chồng anh cũng không có vay nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Triệu Thị Kim T thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nông Văn T1 thực hiện chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị Kim T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị Kim T được ly hôn với anh Nông Văn T1.

+ Về con chung: Giao cháu Nông Bảo N, sinh ngày 11/02/2020 cho anh Nông Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Thị Kim T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Nông Văn T1 không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Triệu Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung sau khi ly hôn với anh Nông Văn T1, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Văn T1 có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Thôn B, xã L, tỉnh Tuyên Quang) nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị Kim T và bị đơn anh Nông Văn T1 đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn chị Triệu Thị Kim T thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nông Văn T1 chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần thứ nhất không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Kim T và anh Nông Văn T1 tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã L, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 19/12/2019. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh T1 tại thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Bản B1, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên chị T đã bỏ đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh và sống ly thân với anh Nông Văn T1 từ tháng 7/2025 cho đến nay. Cả chị Triệu Thị Kim T và anh Nông Văn T1 đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên không thể quay về đoàn tụ mà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Triệu Thị Kim T và anh Nông Văn T1 đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Triệu Thị Kim T được ly hôn với anh Nông Văn T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Các đương sự xác định quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Nông Bảo N, sinh ngày 11/02/2020. Quá trình giải quyết vụ án, cả hai bên đương sự đều xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Nông Bảo N sống cùng anh Nông Văn T1 và bố mẹ đẻ anh T1 là ông Nông Văn T2 và bà Quan Thị T3 nên chị Triệu Thị Kim T nhất trí giao cháu Nông Bảo N cho anh Nông Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn anh Nông Văn T1 cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Bảo N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Triệu Thị Kim T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Nông Bảo N. Do đó, để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và theo đề nghị của các đương sự, Hội đồng xét xử giao cháu Nông Bảo N cho anh Nông Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Thị Kim T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Nông Bảo N và có quyền, nghĩa đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Triệu Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Nông Văn T1 không phải nộp tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị Kim T được ly hôn với anh Nông Văn T1 (*Giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 19/12/2019 tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang – Nay là UBND xã L, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Nông Bảo N, sinh ngày 11/02/2020 cho anh Nông Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Thị Kim T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Nông Bảo N và có quyền, nghĩa đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Triệu Thị Kim T. Bị đơn anh Nông Văn T1 không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Triệu Thị Kim T và bị đơn anh Nông Văn T1 được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Lâm Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(*đã ký*)**

Lương Hữu San